

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày 04/02/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sửu - Cán bộ hưu.

Bà Nguyễn Thị Bích - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 04/02/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2020 về việc “ ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Anh Dương Văn Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Hiện nay đang đi lao động tại nước ngoài không rõ địa chỉ.

(Vắng mặt không có lý do).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Dương Văn Đ1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Y trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Dương Văn Đ trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/11/2009 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 6 năm. Đến năm 2015 chị có đi Đài Loan xuất khẩu lao động. Sau đó 02 năm thì anh Dương Văn Đ cũng sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Tại Đài Loan vợ chồng vẫn có thể gặp nhau cụ thể là một tuần gặp nhau 01 lần. Tuy nhiên trong hôn nhân không còn được như trước, có nhiều bất đồng quan điểm sống, vấn đề tiền bạc không thuận tình dẫn đến va chạm cãi vã. Năm 2018 chị và anh Đ ly thân đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân chị và anh Đ có liên lạc nhưng chỉ nói về vấn đề ly hôn. Hai bên gia đình có dàn xếp để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn Đ.

Chị được biết hiện nay gia đình chồng có yêu cầu tạm dừng phiên tòa để chờ anh Dương Văn Đ về nước giải quyết. Nhưng chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh Đ không còn nữa cho dù sau này anh Đ về nước có muốn hòa giải thì chị cũng không chấp nhận. Do vậy chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Về con chung: Chị và anh Dương Văn Đ có 02 con chung là cháu Dương Gia B, sinh ngày 06/02/2011 và cháu Dương Long N, sinh ngày 10/4/2013. Hiện hai con chung đang ở ổn định từ nhỏ với gia đình nhà chồng. Ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết nuôi con chung, đề nghị để con chung tiếp tục ở với anh Đ và gia đình anh Đ. Về cấp dưỡng vợ chồng chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Dương Văn Đ hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Đ.

* Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố đẻ của anh Đ, ông Dương Văn Đ có quan điểm trình bày: Ông là bố đẻ của anh Đ có địa chỉ như trên. Hiện nay anh Đ đang đi lao động tại Đài Loan không có mặt tại địa phương, nhưng

vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình ông. Về địa chỉ của anh Đ ở bên nước ngoài thì ông không biết nên cung cấp cho Tòa án.

- Về việc chị Y xin ly hôn thì anh Đ có trao đổi về với gia đình là:

- + Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Y.

- + Về con chung: Chị Y và anh Đ có 02 con chung là cháu: Dương Gia B, sinh ngày 06/02/2011 và cháu Dương Long N, sinh ngày 10/4/2013. Hiện nay hai cháu đang ở với ông bà nội, chị Y không đề nghị giải quyết về con chung thì anh Đ không có ý kiến gì. Về cấp dưỡng nuôi con anh Đ, chị Y tự thỏa thuận.

- + Về tài sản chung, công nợ: Do anh Đ không có nhà nên anh Đ đề nghị giải quyết ở một vụ án khác.

- Hiện nay con chung của chị Y, anh Đ đang ở với ông nên đề nghị Tòa án đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để ông đứng ra nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bảo và cháu Nhật khi anh Đ không có nhà.

- Tòa án yêu cầu gia đình ông thông báo để anh Đ gửi quan điểm về cho Tòa án thì gia đình từ chối thực hiện.

- Ông xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Sau khi làm việc với Tòa án, ông Dương Văn Đ, bà Lê Thị Minh T (là mẹ anh Đ) có gửi đơn đến Tòa án đề nghị tạm dừng giải quyết vụ án. Lý do anh Đ liên lạc về gia đình trao đổi quan điểm việc ly hôn là của vợ chồng, bố mẹ không tham gia được. Do dịch bệnh nên anh chưa về nước được, đề nghị Tòa án tạm dừng giải quyết vụ án chờ anh về nước giải quyết vì anh chị còn có vướng mắc về tài sản.

* Tòa án đã làm việc đề nghị bà Lê Thị Minh T cung cấp thông tin quan điểm của anh Đ thì bà Thúy trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Dương Văn Đ có địa chỉ ở thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay anh Đ đang đi lao động tại nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên hệ về với gia đình. Về việc chị Y xin ly hôn thì anh Đ có quan điểm trao đổi là không đồng ý ly hôn với chị Y. Trường hợp chị Y vẫn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn thì anh Đ vẫn đề nghị được nuôi 02 con chung. Trường hợp anh Đ được nuôi hai con chung thì vợ chồng bà đồng ý đứng ra chăm sóc con chung của anh Đ và chị Y vì các cháu từ bé đã ở với gia đình nhà nội. Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng bà vẫn thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Đ được biết nhưng anh Đ không gửi quan điểm gì về mà chỉ trao đổi với vợ chồng bà qua điện thoại. Về địa chỉ của anh Đ ở bên nước ngoài thì bà không biết, không cung cấp cho Tòa án được. Anh Đ có trao đổi về là sau này mọi việc đợi anh về mới giải quyết. Về tài sản thì anh Đ và chị Y có mua 01 thửa đất nhưng hiện nay do dịch bệnh nên anh Đ không về nước được, còn vợ chồng bà

thì không vướng mắc gì về tài sản với chị Y. Các đơn khiếu nại của bà và ông không đồng gửi Tòa án là trình bày nguyện vọng của anh Đ với Tòa án là chờ anh Đ về giải quyết còn vợ chồng bà không có ý kiến gì.

Tòa án yêu cầu bà thông báo để anh Đ gửi quan điểm về thì gia đình không thực hiện được. Anh Đ thông báo với vợ chồng bà qua điện thoại là đề nghị Tòa án tạm dừng giải quyết việc ly hôn với chị Y chờ anh Đ về thì mới giải quyết vụ án. Do dịch bệnh nên anh Đ không về được, nguyện vọng của anh Đ là chờ anh Đ về mới giải quyết.

* Tại đơn trình bày nguyện vọng gửi Tòa án, cháu Dương Gia B, sinh ngày 06/02/2011 và cháu Dương Long N, sinh ngày 10/4/2013 trình bày có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Y xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh Dương Văn Đ vắng mặt không có lý do; ông Dương Văn Đ xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của chị Y, ông không đồng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Anh Đ vắng mặt không có lý do là không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Dương Văn Đ.

+ Về con chung: giao 02 con chung là cháu Dương Gia B, sinh ngày 06/02/2011 và cháu Dương Long N, sinh ngày 10/4/2013 cho anh Dương Văn Đ nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung không có yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, công nợ: chị Y trình bày không có nên không xem xét giải quyết. Anh Đ có tranh chấp về tài sản có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

+ Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Y là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn đối với anh Dương Văn Đ. Bị đơn anh Dương Văn Đ là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 16409/QLXNC-P5 ngày 23/9/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Dương Văn Đ đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 04/01/2020, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh Đ. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Dương Văn Đ theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cũng đã yêu cầu người thân của anh Đ cung cấp thông tin địa chỉ của anh Đ ở nước ngoài, yêu cầu anh Đ gửi quan điểm về Tòa án tuy nhiên gia đình từ chối thực hiện mà chỉ trình bày với Tòa án quan điểm của anh Đ đã trao đổi với gia đình. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Y, ông Dương Văn Đ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Dương Văn Đ, vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp anh Dương Văn Đ cố tình giấu địa chỉ. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]. Về đề nghị tạm dừng giải quyết vụ án của gia đình anh Dương Văn Đ, HĐXX thấy: Gia đình anh Dương Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án tạm dừng giải quyết vụ án để chờ anh Đ về nước giải quyết, hiện anh Đ chưa về nước được do dịch bệnh Covid 19 phức tạp. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù gia đình đã liên lạc trao đổi và được biết Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án nhưng anh Dương Văn Đ không có văn bản tài liệu thể hiện quan điểm về việc chị Nguyễn Thị Y xin ly hôn gửi về gia đình hoặc Tòa án. Gia đình anh Đ có mong muốn chờ anh Đ về để giải quyết nhưng chị Y không chấp nhận chung sống nữa. Nếu chấp nhận việc tạm dừng giải quyết vụ án như đề nghị của gia đình anh Đ sẽ ảnh hưởng thời hạn giải quyết vụ án của Tòa án, quyền lợi của người khởi kiện không được xem xét, giải quyết kịp thời. Do đó HĐXX không chấp nhận yêu cầu tạm dừng giải quyết vụ án của gia đình anh Dương Văn Đ.

[4]. Về quan hệ hôn nhân:

[4.1]. Chị Nguyễn Thị Y kết hôn với anh Dương Văn Đ trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/11/2009 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 6 năm. Đến năm 2015 chị Y có đi Đài Loan xuất khẩu lao động. Sau đó 02 năm thì anh Dương Văn Đ cũng sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Tại Đài Loan vợ chồng vẫn có thể gặp nhau cụ thể là một tuần gặp nhau 01 lần. Tuy nhiên trong hôn nhân không còn được như trước, có nhiều bất đồng quan điểm sống, vấn đề tiền bạc không thuận tình dẫn đến va chạm cãi vã. Năm 2018 vợ chồng ly thân đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân vợ chồng có liên lạc nhưng chỉ nói về vấn đề ly hôn. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị Nguyễn Thị Y đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn Đ. Thông qua người thân anh Dương Văn Đ có quan điểm đồng ý ly hôn với chị Y. Tuy nhiên sau đó người thân của anh Đ lại có quan điểm đề nghị Tòa án tạm dừng giải quyết vụ án để chờ anh Đ về nước giải quyết.

[4.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Y và anh Dương Văn Đ là hợp pháp. Hiện nay chị Nguyễn Thị Y và anh Dương Văn Đ mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Nguyễn Thị Y và anh Dương Văn Đ đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Dương Văn Đ đã

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cả chị Nguyễn Thị Y và anh Dương Văn Đ đều đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Dương Văn Đ.

[5]. Về con chung:

[5.1]. Chị Nguyễn Thị Y và anh Dương Văn Đ có 02 con chung là cháu Dương Gia B, sinh ngày 06/02/2011 và cháu Dương Long N, sinh ngày 10/4/2013. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị Y không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, tuy nhiên hiện nay hai con chung của chị Y đang ở với ông bà nội là ông Dương Văn Đ, bà Lê Thị Minh T. Hai cháu có nguyện vọng được ở với anh Dương Văn Đ.

[5.2]. HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh Đ không có mặt ở tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Hai con chung đang ở ổn định với gia đình anh Đ. Cháu Bảo và cháu Nhật có nguyện vọng ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Chị Y cũng không có ý kiến gì về việc để anh Đ nuôi hai con chung. Bên cạnh đó, ông Đ1, bà T là ông bà nội của các cháu cũng đồng ý đứng ra nhận trách nhiệm để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh Đ trong thời gian anh Đ không có ở nhà. Việc ông Đ1, bà Thúy nhận trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu nội cũng phù hợp theo quy định của Điều 104- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao 02 con chung là cháu Dương Gia B, sinh ngày 06/02/2011 và cháu Dương Long N, sinh ngày 10/4/2013 cho anh Dương Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung do không có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5.3]. Về các quyền, nghĩa vụ khác đối với con chung:

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Trường hợp chị Nguyễn Thị Y có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ):

- Chị Nguyễn Thị Y trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

- Trường hợp anh Dương Văn Đ có tranh chấp thì có quyền làm đơn khởi kiện bằng vụ án khác.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[8]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104, khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Dương Văn Đ .

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Dương Gia B, sinh ngày 06/02/2011 và Dương Long N, sinh ngày 10/4/2013 cho anh Dương Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp chị Nguyễn Thị Y có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000710 ngày 08/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị Y đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Dương Văn Đ hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Dương sự cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhân:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã T, huyện Y;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ong Thân Thắng